

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ NT  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **198/2018/HNGĐ-ST**

Ngày : 19/11/2018

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NT, TỈNH KHÁNH HÒA**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đàm Thị Bích Ngọc**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Ngô Tiến Thành**

Ông **Nguyễn Đức Đẹp**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Võ Thu Thủy** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố NT.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố NT tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Ánh Dương** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố NT, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 819/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 về việc “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02/11/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đào Thị L**, sinh năm 1983; Địa chỉ: 06 T, phường P, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông **Phạm Văn B**, sinh năm 1975; Địa chỉ: 06 T, phường P, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 31/5/2018, bản tự khai, B bản hòa giải, nguyên đơn bà **Đào Thị L** trình bày: Bà và ông **Phạm Văn B** đã tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Trong quá trình chung sống vợ chồng có những mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình. Ông B không lo làm ăn mà ham chơi, cờ bạc gây nợ nần. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông B vẫn không thay đổi, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu giải quyết được ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà và ông B có 02 (hai) con chung là **Phạm Xuân T**, sinh ngày 03/11/2009 và **Phạm Đào Gia L**, sinh ngày 06/4/2012. Sau khi ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu và không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn, ông Phạm Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai được, cũng không tiến hành hòa giải được.*

\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Đào Thị L được ly hôn với ông Phạm Văn B; về con chung: giao con chung cháu Phạm Xuân T, sinh ngày 03/11/2009 và Phạm Đào Gia L, sinh ngày 06/4/2012 cho bà Đào Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Bà L không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét. Về tài sản chung bà L không yêu cầu nên không xem xét; án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn bà Đào Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn ông Phạm Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong phiên hòa giải và các phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án xác định bà Đào Thị L và ông Phạm Văn B có đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 02 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình theo giấy chứng nhận kết hôn số 13/2009 ngày 16/02/2009, đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo nội dung đơn xét xử vắng mặt bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn B. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Phạm Văn B nhưng ông B cố tình vắng mặt, điều đó cho thấy ông B thể hiện ý chí bỏ mặc, không mong muốn hòa giải đoàn tụ gia đình.

Cuộc sống chung vợ chồng giữa bà L và ông B không hòa hợp, hôn nhân không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống. Xét thấy, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc sống chung vợ chồng cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Đào Thị L.

[3] *Về con chung:* Bà Đào Thị L và ông Phạm Văn B có hai con chung là Phạm Xuân T, sinh ngày 03/11/2009 và Phạm Đào Gia L, sinh ngày 06/4/2012. Bà Đào Thị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hiện nay, bà L đang là người trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu và nguyện vọng của cháu T là được ở với mẹ nên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Giao hai cháu Phạm Xuân T và Phạm Đào Gia L cho bà Đào Thị L được trực tiếp

trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Bà L không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] *Về tài sản chung*: Nguyên đơn không có yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí*: Bà Đào Thị L phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm;

[6] Ý kiến phát biểu của vị đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

*Tuyên xử*: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đào Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị L được ly hôn với ông Phạm Văn B.

2. Về con chung: Bà Đào Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 (hai) con chung là cháu Phạm Xuân T (sinh ngày 03/11/2009) và cháu Phạm Đào Gia L (sinh ngày 06/4/2012). Bà L không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Ông Phạm văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà Đào Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Đào Thị L phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo B lai thu tiền số AA/2016/0009223 ngày 05/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố NT. Như vậy, bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Đào Thị L và ông Phạm Văn B vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi*

*hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp.NT;
- Chi cục THA.DS Tp.NT;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã K, huyện Y,  
tỉnh Ninh Bình (số 13, ngày 16/02/2006;)
- Lưu án văn, hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Đàm Thị Bích Ngọc**